

Sự đụng độ giữa các nền văn minh

Samuel Huntington

Tên sách: nt

Nguồn: chịu... không nhớ được

Đánh máy+biên tập bản dịch: capthoivu (TVE)

Sửa chính tả: capthoivu (TVE)

Chuyển sang ebook: capthoivu (TVE)

Ngày hoàn thành: 21/08/2006

Nơi hoàn thành: AEM-KL

Bản chất của các nền văn minh

Tại sao các nền văn minh không tránh khỏi đụng độ với nhau?

Tại sao lại như vậy?

Ranh giới giữa các nền văn minh

Tập hợp nền Văn minh: Hội chứng "quốc gia thân tộc"

Phương Tây đối đầu với phần còn lại của thế giới

Các nước phân rã

Khởi Nho giáo - Hồi giáo

Những hàm ý đối với Phương Tây.

Chú thích

Chính trị thế giới đang bước vào một thời kỳ mới, và các học giả vội vã dội vào chúng ta những kiến giải về diện mạo tương lai của nó: sự cáo chung của lịch sử, sự phục hồi những cuộc cạnh tranh truyền thống giữa các nhà nước dân tộc, sự sa sút của nhà nước dân tộc trước sức ép của các khuynh hướng khác của chủ nghĩa phân lập bộ lạc, chủ nghĩa toàn cầu... Mỗi cách kiến giải này đều nắm bắt những khía cạnh riêng biệt của hiện thực đang hình thành. Nhưng tất cả chúng đều bó qua một khía cạnh cơ bản cốt yếu nhất của vấn đề.

Tôi cho rằng nguồn gốc cơ bản của các xung đột trên thế giới này sẽ không còn là hệ tư tưởng hay kinh tế nữa. Các ranh giới quan trọng nhất chia rẽ loài người và nguồn gốc bao trùm của các xung đột sẽ là văn hóa. Nhà nước dân tộc vẫn là nhân vật chủ yếu trên sân khấu thế giới, nhưng các xung đột cơ bản nhất của chính trị toàn cầu sẽ diễn ra giữa các dân tộc và các nhóm người thuộc những nền văn minh khác nhau. Sự đụng độ giữa các nền văn minh sẽ trở thành nhân tố chi phối chính trị thế giới. Ranh giới giữa các nền văn minh sẽ là chiến tuyến tương lai.

Sự đụng độ giữa các nền văn minh sẽ là giai đoạn diễn biến cuối cùng của các xung đột toàn cầu trên thế giới hiện đại. Trong một thế kỷ rưỡi sau sự ra đời của hệ thống quốc tế hiện đại với Hòa ước giữa các ông vua: các hoàng đế, quốc vương, các nhà quân chủ chuyên chế và quân chủ lập hiến, những người ra sức mở rộng bộ máy quan liêu; tăng cường quân đội, củng cố sức mạnh kinh tế của mình, mà Cái chính là liên kết các vùng đất mới vào lãnh thổ của mình. Quá trình này đẻ ra các nhà nước dân tộc, và bắt đầu từ cuộc Đại Cách mạng Pháp, các tuyến xung đột cơ bản kéo ra không hẳn là giữa những người cầm quyền, mà đúng hơn là giữa các dân tộc. Như R.R. Palmer đã nói năm 1793: „Những cuộc chiến tranh giữa các ông vua đã chấm dứt, và những cuộc chiến tranh giữa các dân tộc đã bắt đầu.“ Cái mô hình này kéo dài suốt thế kỷ 19 cho tới tận Chiến tranh Thế giới thứ nhất. Rồi do kết quả của cuộc cách mạng Nga và phản ứng chống lại nó, xung đột giữa các dân tộc nhường chỗ cho xung đột giữa các hệ tư tưởng. Các bên xung đột lúc đầu là chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa quốc xã và chế độ dân chủ tự do, rồi sau đó là chủ nghĩa cộng sản và chế độ dân chủ tự do. Trong thời kỳ Chiến tranh

lạnh, xung đột này thể hiện qua cuộc đọ sức giữa hai siêu cường, mà cả hai đều không phải là nhà nước dân tộc theo nghĩa cổ điển của Châu Âu. Mỗi siêu cường đều tự xác định mình bằng các phạm trù hệ tư tưởng.

Xung đột giữa các ông hoàng, các nhà nước dân tộc và các hệ tư tưởng chủ yếu là xung đột trong nền văn minh phương Tây. William Lind gọi đó là „những cuộc nội chiến Phương Tây“. Đây là bản chất của Chiến tranh lạnh cũng như của các cuộc chiến tranh thế giới và các cuộc chiến tranh hồi thế kỷ 17, 18 và 19. Với sự kết thúc Chiến tranh lạnh, giai đoạn Phương Tây của sự phát triển của chính trị quốc tế cũng kết thúc. Trọng tâm xung đột chuyển thành tác động qua lại giữa Phương Tây và các nền văn minh phi Phương Tây. Trong giai đoạn mới này, các dân tộc và các chính phủ của các nền văn minh Phi Phương Tây không còn đóng vai trò như là các đối tượng của lịch sử mục tiêu của chính sách thực dân Phương Tây nữa, mà cùng với Phương Tây, chúng bắt đầu khởi động và sáng tạo ra lịch sử.

Bản chất của các nền văn minh

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, thế giới bị phân chia thành Thế giới thứ Nhất, Thế giới thứ Hai và Thế giới thứ Ba. Nhưng sau đó, cách phân chia đó không còn thích hợp nữa. Giờ đây sẽ có ý nghĩa hơn nhiều nếu phân nhóm các nước theo các tiêu chí văn hóa và văn minh chứ không căn cứ vào hệ thống chính trị hay kinh tế, hoặc theo trình độ phát triển kinh tế của chúng.

Khi nói tới văn minh, ta hàm ý điều gì? Văn minh là một thực thể văn hóa nào đấy. Làng xóm, khu vực, nhóm sắc tộc, dân tộc, cộng đồng tôn giáo, tất cả đều mang sắc thái văn hóa đặc thù của mình, phản ánh những mức độ khác nhau của tính không đồng nhất về văn hoá. Về văn hóa, một làng phía Nam có thể khác với một làng phía Bắc Italia, song chúng vẫn là những xóm làng Italia, bạn không thể lẫn lộn chúng với những xóm làng người Đức. Về phần mình, các nước Châu Âu có những đặc tính văn hóa chung phân biệt chúng với thế giới Trung Quốc hay Ả-rập.

Vậy là chúng ta đã đi tới bản chất của vấn đề. Bởi vì thế giới Phương Tây, vùng Ả-rập và Trung Quốc không phải là những phần của một cộng đồng văn hóa lớn hơn. Chúng là những nền văn minh. Chúng ta có thể xác định văn minh là một cộng đồng văn hóa cao nhất, là trình độ cao nhất của tính đồng nhất văn hóa của con người. Cấp độ tiếp theo sẽ là những gì phân biệt loài người với các loài động vật khác. Các nền văn minh được xác định bởi sự hiện hữu những nhân tố chung khách quan như ngôn ngữ, lịch sử, tôn giáo, phong tục, thể chế và cả bởi những đặc tính chủ thể của con người. Con người có những cấp độ tự đồng nhất khác nhau: một cư dân thành Rô-ma có thể xác định mình ở những mức độ khác nhau là người Rô-ma, người Italia, tín đồ Thiên chúa giáo, tín đồ Kito giáo, người Châu Âu và người Phương Tây. Nền văn minh là cấp độ tính đồng nhất rộng lớn nhất mà anh ta sở thuộc. Tính tự đồng

nhất về văn hóa của con người có thể thay đổi và do đó, thành phần ranh giới của các nền văn minh cũng thay đổi theo.

Nền văn minh có thể bao hàm một lượng người đông như Trung Quốc mà như Lucian Pye đã nói, „đó là một nền văn minh đóng vai trò nhà nước“, hoặc một nhóm người rất nhỏ như cộng đồng người Carribe nói tiếng Anh. Một nền văn minh có thể bao hàm một số nhà nước dân tộc như các nền văn minh Phương Tây, Mỹ Latinh, Ảrập, hoặc có thể chỉ gồm một nhà nước như nền văn minh Nhật Bản. Rõ ràng, các nền văn minh có thể bị pha trộn, chồng lấn lẫn nhau và bao gồm nhiều tiểu văn minh. Nền văn minh Phương Tây có hai biến thể chủ yếu châu Âu và Bắc Mỹ, còn nền văn minh Hồi giáo thì có các tiểu văn minh Ảrập, Thổ Nhĩ Kỳ và Mã Lai. Dầu sao, các nền văn minh cũng là những chỉnh thể xác định và những ranh giới giữa chúng tuy ít khi rạch ròi nhưng có thực. Các nền văn minh rất năng động với những bước thăng trầm, tách nhập. Và như mọi sinh viên sử học đều biết, có những nền văn minh mất đi, cát bụi thời gian chôn vùi chúng.

Ở Phương Tây người ta cho rằng nhà nước dân tộc là những nhân vật chủ yếu trên sân khấu quốc tế. Nhưng chúng đóng vai trò này chỉ trong mấy trăm năm. Một phần lớn lịch sử loài người là lịch sử các nền văn minh. Theo tính toán của A. Toynbee, lịch sử loài người đã biết tới 21 nền văn minh. Chỉ có 6 trong số chúng còn tồn tại trên thế giới hiện nay.

Tại sao các nền văn minh không tránh khỏi đụng độ với nhau?

Tính đồng nhất ở cấp độ nền văn minh sẽ ngày càng quan trọng và diện mạo thế giới sẽ được định hình ở mức độ đáng kể trong tiến trình tương tác giữa bảy hoặc tám nền văn minh lớn. Chúng bao gồm các nền văn minh: Phương Tây, Khổng giáo, Nhật Bản, Hồi giáo, Ấn Độ, Slave Đông chính giáo, Mỹ Latinh và có thể cả Phi Châu, những xung đột quan trọng nhất trong tương lai sẽ nổ ra dọc theo các đường ranh giới phân cách các nền văn minh này.

Tại sao lại như vậy?

Trước hết, những khác biệt giữa các nền văn minh không những hiện thực mà còn cơ bản. Các nền văn minh khác nhau về lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống và quan trọng nhất là tôn giáo. Con người thuộc các nền văn minh khác nhau nhìn theo cách khác nhau về các quan hệ giữa Chúa và Con người, cá nhân và nhóm, công dân và nhà nước, cha mẹ và con cái, vợ và chồng, có các quan niệm khác nhau về tầm quan trọng tương quan giữa các quyền và nghĩa vụ, tự do các cưỡng bức, bình đẳng và đẳng cấp. Những khác biệt này là sản phẩm của nhiều thế kỷ. Chúng sẽ không nhanh chóng biến mất. Chúng cơ bản hơn so với những khác biệt về hệ tư tưởng chính trị và chế độ chính trị. Đương nhiên khác biệt không nhất thiết có nghĩa là xung đột, và xung đột không nhất thiết có nghĩa là bạo lực. Song qua nhiều thế kỷ, chính là những khác biệt giữa các nền văn minh đã gây ra những xung đột dai dẳng nhất và đẫm máu nhất.

Thứ hai, thế giới đang trở nên bé đi. Tác động qua lại giữa các dân tộc thuộc các nền văn minh khác nhau tăng lên. Điều đó làm tăng tự ý thức văn minh, làm sâu thêm sự nhận biết về những khác biệt giữa các nền văn minh cũng như những điểm tương đồng trong khuôn khổ một nền văn minh. Làn sóng người Bắc Phi nhập cư vào Pháp gây ra thái độ thù địch trong người Pháp nhưng đồng thời làm tăng thiện cảm đối với những người nhập cư khác: „những tín đồ Thiên chúa giáo và người Châu Âu ngoan đạo“ từ Ba Lan. Người Mỹ phản ứng trước sự đầu tư của Nhật một cách bệnh hoạn hơn nhiều so với những khoản đầu tư ở mức lớn hơn của Canada và các nước Châu Âu. Mọi chuyện diễn ra theo kịch bản mà Donald Horowitz đã viết: „Một người Ibo có thể là Oweri Ibo hoặc Onitsha Ibo khi ở miền Đông Nigeria. Nhưng đến thủ đô Lagos, anh ta chỉ đơn thuần là người Ibo. Tới London, anh ta là người Nigeria, tới New York anh ta là người châu Phi“. Tác động qua lại giữa những đại biểu của các nền văn minh khác nhau củng cố ý thức về văn minh của họ vì điều đó, đến lượt nó, lại làm gay

gắt thêm những bất đồng và „thù hận đã đi vào chiều sâu của lịch sử hay ít ra là được tiếp nhận theo kiểu đó.

Thứ ba, những quá trình hiện đại hoá kinh tế và biến đổi xã hội trên toàn thế giới đang phá vỡ tính đồng nhất truyền thống của con người nơi địa bàn cư trú, đồng thời làm suy giảm vai trò của nhà nước dân tộc với tính cách là nguồn gốc của sự đồng nhất. Những khoảng trống hình thành như vậy phần lớn được tôn giáo, thường là dưới dạng các phong trào chính thống, lấp vào. Những phong trào này xuất hiện không chỉ trong Hồi giáo, mà cả trong Kito giáo Phương Tây, Do Thái giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo. Ở hầu hết các nước và hầu hết các tôn giáo, trào lưu chính thống được sự ủng hộ của những người trẻ tuổi có học vấn, các chuyên gia có chuyên môn cao trong tầng lớp trung lưu, những người làm nghề tự do, các nhà doanh nghiệp. Như George Weigel đã nhận xét: „Phi thể tục hóa thế giới là một trong những hiện tượng xã hội nổi bật ở cuối thế kỷ XX“. Sự phục sinh của tôn giáo, hay như Gilles Kepel nói, „sự phục thù của Chúa“ tạo cơ sở cho sự đồng nhất và gắn bó với tính chung, vượt ra ngoài biên giới quốc gia, và cho sự thống nhất của các nền văn minh.

Thứ tư, sự phát triển của tự ý thức văn minh được quyết định bởi vai trò 2 mặt của Phương Tây. Một mặt, Phương Tây đứng trên đỉnh cao quyền lực của mình, nhưng mặt khác, và có thể là vì vậy trong các nền văn minh phi Phương Tây đang diễn ra hiện tượng trở về cội nguồn. Người ta nghe thấy đề cập ngày càng nhiều tới những xu hướng hướng nội và „Châu Á hoá“ ở Nhật, tới sự kết thúc ảnh hưởng Nehru và „Hindu hóa“ Ấn Độ, tới tư tưởng về sự sụp đổ của các tư tưởng Phương Tây về Chủ nghĩa Xã hội và Chủ nghĩa dân tộc và „Hồi giáo hóa“ Trung Đông, và gần đây nhất là cuộc tranh cãi về Phương Tây hóa hay là Nga hóa đất nước của Boris Elsin. Một Phương Tây ở đỉnh cao quyền lực của mình đối đầu với các nước phi Phương Tây ngày càng có mong muốn, quyết tâm và nguồn lực để hình thành thế giới theo mô hình phi Phương Tây.

Trong quá khứ, giới elit của các nước phi Phương Tây thường là những người có liên quan nhiều nhất đến với Phương Tây, được đào tạo ở các trường Oxford (Anh), Sorbonne (Pháp) hoặc Sandhurst (Anh) và đã hấp thụ những giá trị và lối sống Phương Tây. Trong khi đó, cư dân ở các

nước này thường duy trì mối liên hệ liên tục với văn hóa bản địa của mình. Song giờ đây, mọi thứ đã thay đổi. Ở nhiều nước phi Phương Tây, trong giới elit đang diễn ra quá trình mạnh mẽ phi Phương Tây hóa và quay trở về với cội nguồn văn hóa riêng của mình. Trong khi đó những tập quán lối sống và văn hóa Phương Tây, thường là của Mỹ, lại được phổ biến trong các tầng lớp quần chúng đông đảo.

Thứ năm, các đặc tính và khác biệt văn hoá ít thay đổi hơn so với các đặc tính và khác biệt về kinh tế và chính trị và do vậy việc giải quyết và đưa chúng tới thỏa hiệp cũng phức tạp hơn. Ở Liên Xô trước đây, những người cộng sản có thể trở thành người giàu, nhưng người Nga dù có muốn bao nhiêu cũng không thể trở thành người Estonia, và người Azerbaijan không thể trở thành người Armenia. Trong những cuộc xung đột về giai cấp và hệ tư tưởng, câu hỏi mấu chốt là «Anh theo phe phái nào?» và người ta có thể lựa chọn đứng về phe nào, và thay đổi lập trường đã chọn. Trong đụng độ giữa các nền văn minh, câu hỏi đặt ra theo cách khác: „Anh là ai?“ Đây là điều đã định và không ai có thể thay đổi. Như chúng ta đã biết qua kinh nghiệm Bosnia, Kavkaz, Sudan, nếu trả lời sai câu hỏi này, anh có thể lập tức nhận một viên đạn vào đầu. Tôn giáo chia rẽ con người còn khắt khe hơn cả tính quy thuộc sắc tộc. Một người có thể lai nửa Pháp, nửa Ảrập và thậm chí có thể là công dân của cả hai nước này, nhưng sẽ phức tạp hơn nhiều nếu một nửa là tín đồ Thiên chúa giáo, một nửa là tín đồ Hồi giáo.

Cuối cùng, chủ nghĩa khu vực kinh tế đang tăng lên. Tỷ lệ chu chuyển thương mại bên trong khu vực trong thời kỳ năm 1980-89 ở Châu Âu tăng từ 51 lên 59%, ở Đông Á từ 33 lên 37% và ở Bắc Mỹ từ 32 lên 36%. Nhìn chung, vai trò của các mối liên hệ kinh tế khu vực sẽ được tăng cường. Một mặt, chủ nghĩa khu vực kinh tế thành công sẽ củng cố ý thức quy thuộc về một nền văn minh. Mặt khác chủ nghĩa kinh tế khu vực chỉ có thể thành công khi nó bắt rễ sâu vào tính chung của nền văn minh. Cộng đồng Châu Âu dựa vào các cơ sở chung của văn hóa Châu Âu và Kitô giáo Phương Tây. Thành công của Khu vực Mậu dịch Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) phụ thuộc vào sự nhích dần liên tục giữa các nền văn hoá Mỹ, Canada và Mexico. Ngược lại, Nhật vấp phải những khó khăn trong việc

tạo ra một cộng đồng kinh tế tương tự ở Đông Nam Á vì Nhật là một xã hội và một nền văn minh cá biệt. Dù các mối quan hệ thương mại và tài chính của Nhật với các nước còn lại của Đông Nam Á có mạnh như thế nào thì những khác biệt văn hóa giữa Nhật với các nước ấy vẫn cản trở chúng tiến lên theo con đường liên kết kinh tế khu vực như mô hình của Tây Âu hay Bắc Mỹ.

Trái lại, tính cộng đồng văn hóa rõ ràng đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mau chóng những mối quan hệ kinh tế giữa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và những cộng đồng người Hoa ở các nước Châu Á khác. Với sự kết thúc cuộc Chiến tranh lạnh, tính cộng đồng văn hóa nhanh chóng lấn át những bất đồng về hệ tư tưởng. Trung Hoa lục địa và Đài Loan đang ngày càng xích lại gần nhau. Nếu tính cộng đồng văn hóa là tiền đề cho liên kết kinh tế thì trung tâm khối kinh tế Đông Á trong tương lai rất có thể sẽ là Trung Quốc. Thực tế khối này đã xuất hiện. Như Murray Weidenbaum nhận xét: „Mặc dù Nhật Bản hiện đang chi phối trong khu vực, nhưng một trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính mới ở Châu Á đang nhanh chóng xuất hiện trên cơ sở của Trung Quốc. Không gian chiến lược này có tiềm năng công nghệ và sản xuất hùng mạnh (Đài Loan), có các cán bộ với kỹ năng lỗi lạc trong lĩnh vực tổ chức, tiếp thị và dịch vụ (Hồng Kông), có một mạng lưới truyền thông tốt (Singapore), một nguồn vốn tài chính lớn (cả ba nước) và những nguồn lực to lớn về đất đai, tài nguyên và lao động (Trung Hoa lục địa)... Cái cộng đồng có ảnh hưởng mà phần nhiều được xác lập trên sự phát triển cơ sở tông pháp truyền thống này chạy dài từ Quảng Châu tới Sinenpore, từ Kuala Lumpur tới Manila. Đó là xương sống của nền kinh tế Đông Á“ [1].

Tính tương đồng văn hóa tôn giáo cũng tạo thành nền tảng của Tổ chức Hợp tác Kinh tế, liên kết 10 nước Hồi giáo không thuộc khối Ả-rập: Iran, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Azebaizan, Kazakhstan, Kirgizitan, Turmenia, Tadzhikistan, Uzbekistan và Afghanistan. Tổ chức này vốn được sáng lập trong những năm 1960 bởi 3 nước Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan và Iran, song xung lực quan trọng cho sự khôi phục và mở rộng nó là việc các nhà lãnh đạo một số nước tham gia tổ chức này ý thức được rằng

họ không có cơ hội được thu nhận vào Cộng đồng châu Âu. Tương tự, tổ chức CARICOM, Thị trường chung Trung Mỹ và MERCOSUR đều dựa trên nền tảng văn hóa chung. Tuy vậy, các nỗ lực xây dựng một cộng đồng kinh tế rộng lớn hơn gồm các đảo quốc vùng Caribe và Trung Mỹ không thu được kết quả: việc bắc nhịp cầu giữa văn hóa Anh và văn hóa Mỹ Latinh cho đến nay vẫn không thành.

Khi xác định tính đồng nhất riêng của mình theo các mặt sắc tộc và tôn giáo, người ta có thiên hướng gọi các quan hệ giữa mình với những người thuộc các sắc tộc và tôn giáo khác như là các quan hệ giữa „chúng ta“ và „họ“. Sự cáo chung của các nhà nước hệ tư tưởng hóa ở Đông Âu và Liên Xô cũ cho phép các hình thức truyền thống của tính đồng nhất và mâu thuẫn sắc tộc nổi lên hàng đầu. Những khác biệt về văn hóa và tôn giáo tạo ra những bất đồng trên phạm vi lớn về những vấn đề chính sách, như nhân quyền hay di cư, thương mại hay sinh thái. Sự gằn gỏi về địa lý làm nảy sinh những yêu sách về lãnh thổ từ Bosnia tới Mindanao. Nhưng điều quan trọng nhất là những nỗ lực của Phương Tây nhằm truyền bá các giá trị của mình - nền dân chủ và chủ nghĩa tự do với tính cách là những giá trị toàn nhân loại, duy trì ưu thế quân sự và củng cố những lợi ích kinh tế của mình - đã vấp phải sự chống đối của các nền văn minh khác. Các chính phủ và các nhóm chính trị ngày càng không có khả năng động viên cư dân và hình thành nên các liên minh trên cơ sở hệ tư tưởng và chúng càng cố gắng đạt được sự ủng hộ bằng cách cầu cứu đến tính cộng đồng về tôn giáo và văn minh.

Bởi vậy, sự đụng độ giữa các nền văn minh diễn ra ở hai cấp độ. Ở cấp vĩ mô các nhóm nước lân cận dọc đường ranh giới giữa các nền văn minh đấu tranh, thường là đổ máu, để giành quyền kiểm soát đất đai và kiểm soát lẫn nhau. Ở cấp vĩ mô, các nước thuộc những nền văn minh khác nhau cạnh tranh giành ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh tế và quân sự, tranh giành quyền kiểm soát các thể chế quốc tế và các nước thứ ba, đồng thời ra sức khẳng định các giá trị tôn giáo và chính trị của mình.

Ranh giới giữa các nền văn minh

Nếu trong những năm Chiến tranh lạnh, các lò lửa chủ yếu gây ra khủng hoảng và đổ máu tập trung dọc các đường ranh giới chính trị và hệ tư tưởng thì giờ đây chúng chuyển sang ranh giới giữa các nền văn minh. Chiến tranh lạnh bắt đầu khi „bức màn sắt“ chia cắt Châu Âu về chính trị và hệ tư tưởng. Chiến tranh lạnh chấm dứt cùng với việc loại trừ „bức màn sắt“. Nhưng sự chia cắt Châu Âu về mặt hệ tư tưởng vừa biến mất thì sự chia cắt nó về mặt văn hoá thành một bên là Kito giáo Phương Tây và một bên là Đông chính giáo và Hồi giáo lại xuất hiện. Đường phân chia quan trọng nhất ở Châu Âu, như William Wallace quan niệm, có thể là đường ranh giới phía Đông của Kito giáo Phương Tây, hình thành vào năm 1500. Đường ranh giới này chạy dọc theo đường biên giới hiện nay giữa Phần Lan và Nga, giữa các nước vùng Baltic và Nga, cắt ngang qua Belarussia và Ukraina, tách vùng Tây Ukraina ngã theo Kito giáo Phương Tây và vùng Đông Ukraina theo Đông chính giáo, rồi quặt sang phía Tây, tách vùng Transylvania ra khỏi phần còn lại của Rumania, và sau đó xuyên qua Nam Tư, gần như trùng với đường ranh giới hiện đang phân cách Croatia và Slovenia và ra khỏi phần đất còn lại của Nam Tư. Dĩ nhiên ở khu vực Balkan, đường ranh giới này trùng hợp với biên giới lịch sử giữa các đế chế Habsburg và Ottoman. Các dân tộc ở phía Bắc và phía Tây của đường ranh giới chung của lịch sử châu Âu: chủ nghĩa phong kiến, Thời kỳ Phục Hưng, Phong trào Cải lương, Thời kỳ Ánh sáng, cuộc Đại Cách Mạng Pháp, Cách mạng Công nghiệp. Nhìn chung, về mặt kinh tế họ khá hơn các dân tộc phía Đông. Giờ đây họ có thể tính toán hợp lực chặt chẽ hơn trong khuôn khổ nền kinh tế Châu Âu thống nhất và củng cố các hệ thống chính trị dân chủ. Những người ở phía Đông và phía Nam của đường ranh giới này theo Kito Đông chính giáo và Hồi giáo. Về mặt lịch sử, chúng thuộc các đế chế Ottoman hoặc Sa hoàng, và đời tới chúng chỉ là tiếng vang của các sự kiện lịch sử quyết

định số phận của Phương Tây. Về kinh tế chúng thường cách xa Phương Tây và dường như ít sẵn sàng tạo ra các hệ thống chính trị dân chủ ổn định. Và giờ đây „tấm màn chung“ văn hóa đã thay thế „bức màn sắt“ hệ tư tưởng với tính cách là giới tuyến chủ yếu ở Châu Âu. Như các sự kiện ở Nam Tư cho thấy, đây không chỉ là ranh giới của sự khác biệt văn hóa mà đôi khi còn là của những cuộc xung đột đẫm máu.

Cuộc xung đột dọc đường ranh giới giữa các nền văn minh Phương Tây và Hồi giáo đã và đang diễn ra suốt 13 thế kỷ. Sau khi Hồi giáo ra đời, cuộc tiến quân của người Ả-rập và người Moor về phía Tây và phía Bắc chỉ kết thúc ở Tours năm 732. Suốt từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 13, đội quân Thập tự chinh thành công tạm thời đã cố gắng đưa Kito giáo và luật chúa tới Đất Thánh. Từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17, người Thổ dưới đế chế Ottoman đã nắm được thế chủ động. Họ mở rộng quyền thống trị của mình tới tận Trung Đông và Balkan, chiếm Constantinople, hai lần vây hãm thành Viena (Áo). Nhưng từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, quyền lực của đế chế Ottoman suy yếu, Anh, Pháp, Italia thiết lập sự kiểm soát của Phương Tây ở phần lớn vùng Bắc Phi và Trung Đông.

Sau chiến tranh Thế giới thứ II, lại đến lượt Phương Tây bắt đầu rút lui; các đế chế thực dân biến mất; lúc đầu là chủ nghĩa dân tộc Ả-rập rồi đến chủ nghĩa chính thống Hồi giáo xuất hiện; Phương Tây trở nên lệ thuộc nặng nề vào các nước vùng Vịnh về nhiên liệu. Các nước Hồi giáo giàu dầu mỏ trở nên giàu tiền của và khi muốn thì chúng cũng trở nên giàu vũ khí. Vài cuộc chiến tranh đã nổ ra giữa các nước Ả-rập và Israel, một nước được lập ra theo sáng kiến của Phương Tây. Trong suốt những năm 50, Pháp tiến hành gần như liên tục cuộc chiến tranh đẫm máu ở Algeri. Năm 1956, lực lượng của Anh và Pháp xâm lược Ai Cập. Năm 1958, người Mỹ tiến vào Liban, sau đó nhiều lần họ quay lại đó: và còn tấn công Libya, tham gia vào nhiều cuộc đụng độ quân sự với Iran. Để trả đũa những kẻ khủng bố Ai Cập và Hồi giáo, được ít nhất ba chính phủ ở Trung Đông ủng hộ, sử dụng vũ khí của kẻ yếu, đánh bom các máy bay và cơ sở Phương Tây, bắt con tin Phương Tây. Cuộc chiến này giữa người Ả-rập và Phương Tây lên đến đỉnh cao năm 1990, khi Mỹ đưa một đội quân khổng lồ tới Vùng Vịnh để bảo vệ một số nước Ả-rập chống lại cuộc xâm

lãng của một nước Ả-rập khác. Khi cuộc chiến tranh này kết thúc, kế hoạch hậu chiến của NATO được soạn thảo với sự cân nhắc đến những mối đe dọa và bất ổn định tiềm tàng dọc „các đường biên giới phía Nam“.

Sự đối đầu về quân sự giữa Phương Tây và thế giới Hồi giáo kéo dài trọn một thế kỷ và vẫn không hề suy giảm. Mà đúng hơn là, trái lại, nó có thể còn gay gắt hơn. Cuộc chiến tranh Vùng Vịnh đã để cho một số nước Ả-rập cảm thấy tự hào rằng Saddam Hussein đã tiến công Israel và đương đầu với Phương Tây. Nhưng nó cũng làm cho nhiều người cảm thấy bị lãng nhuch và phẫn nộ trước sự có mặt quân sự của Phương Tây tại Vịnh Persic, trước ưu thế quân sự khá lớn của Phương Tây và trước việc họ không đủ khả năng làm chủ vận mệnh của chính mình. Thêm vào đó, nhiều nước Ả-rập, không chỉ các nước xuất khẩu dầu lửa, đã đạt được trình độ phát triển kinh tế và xã hội không còn phù hợp với các hình thức cai trị chuyên quyền nữa. Những cố gắng nhằm thực hiện chế độ dân chủ ở đó cũng trở nên ngày càng mạnh mẽ hơn. Đã có một số cởi mở nhất định trong hệ thống chính trị của một số nước Ả-rập. Nhưng được hưởng lợi lớn nhất của những cởi mở này là những người chính thống Hồi giáo. Tóm lại, trong thế giới Ả-rập, nền dân chủ Phương Tây làm tăng các lực lượng chính trị chống lại Phương Tây. Điều này có thể là một hiện tượng quá độ, nhưng chắc chắn nó làm cho mối quan hệ giữa các nước Hồi giáo và Phương Tây trở nên phức tạp thêm.

Những mối quan hệ đó cũng bị phức tạp thêm bởi các nhân tố dân số. Mức tăng dân số còn khá cao trong các nước Ả-rập, đặc biệt ở Bắc Phi, đã làm tăng số người di cư sang các nước Tây Âu. Đến lượt mình, sự dôn ứ di dân diễn ra trên cái nền xóa bỏ từng bước ranh giới bên trong giữa các nước Tây Âu đã tạo nên những tranh cãi chính trị gay gắt. Tại Italia, Pháp và Đức, tệ phân biệt chủng tộc mang hình thức ngày càng trắng trợn và từ năm 1990, phản ứng chính trị và bạo lực đối với người Ả-rập và Thổ Nhĩ Kỳ không ngừng tăng lên.

Trên cả hai mặt trận, người ta đều nhìn thấy sự đụng độ giữa các nền văn minh qua tác động qua lại giữa thế giới Hồi giáo và thế giới Phương Tây. Ông M.J. Akbar, một nhà báo Ấn Độ theo Hồi giáo nhận xét: „Phương Tây chắc chắn sẽ phải đối đầu với thế giới Hồi giáo. Chính cái thực tế về sự truyền

bá rộng rãi thế giới Hồi giáo từ vùng Bắc Phi tới Pakistan sẽ dẫn tới cuộc đấu tranh cho một trật tự thế giới mới“. B. Lewis cũng đi đến một kết luận tương tự: „Trước chúng ta là một tinh thần và một phong trào hoàn toàn khác, không chịu sự khống chế của chính trị và các chính phủ muốn lợi dụng chúng. Đó đúng là sự đụng độ giữa các nền văn minh. Có thể là phản ứng không duy lý nhưng được quy định về mặt lịch sử của kẻ cạnh tranh cổ xưa của chúng ta sẽ chống lại truyền thống Do Thái - Kito giáo của chúng ta, hiện tại trần thế của chúng ta và sự bành trướng ra toàn cầu của cái này và cái kia“[2].

Trong trường kỳ lịch sử, nền văn minh Ả-rập Hồi giáo nằm trong sự tương tác đối kháng thường xuyên với những người đa thần giáo, những người theo thuyết vật linh và ngày nay chủ yếu là các cư dân da đen theo Thiên chúa giáo ở phương Nam. Trong quá khứ, sự đối kháng này thể hiện qua hình ảnh người mua bán nô lệ Ả-rập và người nô lệ da đen. Ngày nay, nó được phản ánh qua cuộc nội chiến đang tiếp diễn ở Sudan giữa người Ả-rập và người da đen, qua cuộc đấu tranh vũ trang ở Sad giữa quân nổi loạn được Liby ủng hộ và chính phủ, qua các quan hệ căng thẳng giữa người Kito Đông chính giáo và người Hồi giáo ở mũi Châu Phi, những cuộc xung đột chính trị dẫn tới đụng độ đổ máu giữa người Hồi giáo và người Kito giáo ở Nigiena. Quá trình hiện đại hóa và mở rộng Kito giáo ở Châu Phi chỉ làm tăng khả năng xảy ra bạo lực ở dọc tuyến này. Triệu chứng về sự gay gắt của cuộc xung đột này là bài diên văn của Giáo hoàng John Paul II ngày 12-2-1993 tại Khartoum, trong đó ông công kích những hành động của chính phủ Hồi giáo Sudan chống lại thiểu số Kitô giáo ở nước đó.

Trên đường biên giới phía Bắc của thế giới Hồi giáo, xung đột triển khai chủ yếu giữa người Đông chính giáo và người Hồi giáo. Ở đây cần đề cập đến cuộc tàn sát lẫn nhau ở Bosnia và Sarajevo, bạo lực giữa người Serb và người Albani, mối quan hệ phân biệt đối xử giữa người Bungari và thiểu số người Thổ Nhĩ Kỳ ở Bungari, đụng độ đổ máu giữa người Osetia và Ingush, người Armenia và người Azerbaizan, xung đột giữa người Nga và người Hồi giáo ở Trung Á để bảo vệ các lợi ích của Nga. Tôn giáo hãm lại tính tự đồng nhất sắc tộc đang phục hồi và tất cả những điều đó làm cho người Nga lo ngại hơn về an ninh ở các đường biên giới phía Nam của họ. Archie

Roosevelt đã cảm thấy mối lo lắng này. Ông viết: „Phần lớn lịch sử nước Nga liên quan tới cuộc đấu tranh giữa người Slave và các dân tộc gốc Thổ trên đường biên giới của họ cách đây hơn một nghìn năm khi nhà nước Nga được thiết lập. Trong cuộc đấu tranh kéo dài nghìn năm này của người Slave với những người láng giềng Phương Đông của họ, chìa khóa để đạt được sự hiểu biết không phải chỉ là lịch sử Nga mà là chất Nga. Để hiểu được những thực tế nước Nga ngày nay, người ta không được quên nhóm sắc tộc Thổ đã thu hút sự chú ý của người Nga suốt nhiều thế kỷ“. [3]

Sự đụng độ giữa các nền văn minh bắt rễ sâu ở các vùng khác tại Châu Á. Cuộc đấu tranh đã bắt rễ sâu vào lịch sử giữa người Hồi giáo và Hمدu ở Tiểu lục địa Ấn Độ ngày nay thể hiện rõ không chỉ trong sự cạnh tranh giữa Pakistan và Ấn Độ mà còn trong sự tăng cường thù địch tôn giáo giữa các nhóm Hindu ngày càng cuồng chiến và thiểu số người Hồi giáo Ấn Độ. Việc phá hủy nhà thờ Hồi giáo Ayodhya tháng 12-1992 đã đặt ra vấn đề là liệu Ấn Độ có còn là một nhà nước thế tục và dân chủ hay đã trở thành một nhà nước Hindu. Ở Đông Á, Trung Quốc đưa ra những yêu sách lãnh thổ gần như với tất cả các nước láng giềng. Nó đã trấn áp tàn nhẫn những tín đồ Phật giáo ở Tây Tạng và giờ đây sẵn sàng trừng trị thẳng tay đối với thiểu số người Hồi giáo nói tiếng Thổ. Với cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc, những mâu thuẫn giữa Mỹ và Trung Quốc lại thể hiện đặc biệt mạnh trong các lĩnh vực như nhân quyền, thương mại và vấn đề phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, và không có bất cứ hi vọng nào dẫu đi. Như Đặng Tiểu Bình đã khẳng định trong năm 1991, „cuộc Chiến tranh lạnh mới giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn đang tiếp diễn“.

Ý kiến của Đặng Tiểu Bình cũng có thể áp dụng cho các quan hệ đang ngày càng phức tạp thêm giữa Nhật Bản và Mỹ. Ở đây, những khác biệt văn hoá cũng làm tăng xung đột về kinh tế. Mỗi bên đều lên án sự phân biệt chủng tộc của bên kia, nhưng ít nhất là về phía Mỹ, mỗi ác cảm không mang tính chất chủng tộc mà mang tính chất văn hoá. Thật khó hình dung về hai xã hội cách xa nhau về các giá trị cơ bản, tâm thế và phong cách ứng xử. Những bất đồng về kinh tế giữa Mỹ và Châu Âu không kém phần nghiêm trọng, nhưng chúng không nổi bật về chính trị và đậm nét về tình cảm, bởi vì mâu thuẫn

giữa văn hóa Mỹ và văn hóa Châu Âu kém gay gắt hơn nhiều so với giữa văn minh Mỹ và văn minh Nhật Bản.

Khả năng tiềm tàng xảy ra bạo lực trong sự tương tác giữa các nền văn minh khác có thể thay đổi. Sự cạnh tranh kinh tế chiếm ưu thế trong quan hệ giữa hai tiểu văn minh Mỹ và Châu Âu cũng như trong quan hệ giữa Phương Tây nói chung và Nhật Bản. Đồng thời ở Châu Âu, việc các xung đột sắc tộc đang lan rộng dẫn tới các cuộc „thanh lọc sắc tộc“ đã không còn là chuyện lẻ tẻ nữa. Chúng thường hay diễn ra nhất giữa các nhóm người thuộc các nền văn minh khác nhau trong trường hợp đó chúng mang hình thức cực đoan nhất. Những ranh giới đã hình thành một cách lịch sử giữa các nền văn minh thuộc lục địa Châu Âu giờ đây lại bùng lên ngọn lửa xung đột. Các xung đột này đạt tới mức căng thẳng tột độ dọc các đường ranh giới của khối Hồi giáo, trải ra theo hình lưỡi liềm trên vùng giữa Bắc Phi và Trung Á. Nhưng bạo lực cũng đã xảy ra qua các vụ xung đột giữa một bên là người Hồi giáo và một bên là những người Serb theo Đông chính giáo ở Balkan, người Do Thái ở Israel, người Hindu ở Ấn Độ, người Phật giáo ở Mianma và người Thiên chúa giáo ở Philippin. Các đường biên giới của thế giới Hồi giáo khắp nơi đều đầm máu.

Tập hợp nền Văn minh: Hội chứng ”quốc gia thân tộc”

Các nhóm hoặc các nước thuộc một nền văn minh dính líu vào một cuộc chiến tranh với những người thuộc một nền văn minh khác đương nhiên tìm cách tập hợp sự ủng hộ của các đại biểu của nền văn minh của mình. Với sự kết thúc Chiến tranh lạnh, một trật tự thế giới đã hình thành, và theo mức độ hình thành đó, tính quy thuộc về một nền văn minh, hay nói như S. Greenway, hội chứng „quốc gia thân tộc“ đang thay thế hệ tư tưởng chính trị và các cách kiến giải truyền thống về việc duy trì sự cân bằng sức mạnh với tính cách là nguyên tắc cơ bản của hợp tác và liên minh. Có thể thấy hội chứng này đang xuất hiện dần dần qua tất cả các cuộc xung đột thời gian gần đây: ở vùng Vịnh Persic, vùng Kavkaz và Bosnia. Đúng là tất cả các cuộc xung đột này không phải là các cuộc chiến tranh với quy mô đầy đủ giữa các nền văn minh, nhưng mỗi cuộc xung đột đều bao hàm những yếu tố của sự tập hợp bên trong các nền văn minh. Điều đó dường như đã trở nên lớn hơn khi các cuộc xung đột tiếp tục.

Thứ nhất: Trong các cuộc chiến tranh Vùng Vịnh, một nước Ả-rập đã xâm chiếm một nước Ả-rập khác và tiếp đó phải chiến đấu với một liên minh gồm các nước Ả-rập, Phương Tây và các nước khác. Tuy chỉ có một vài chính phủ Hồi giáo công khai ủng hộ Saddam Hussein, nhưng giới elit cầm quyền của nhiều nước Ả-rập, với tư cách cá nhân, đã ủng hộ ông ta và Saddam Hussein đã rất được lòng dân trong các tầng lớp đông đảo cư dân Ả-rập. Các phong trào chính thống Hồi giáo đã hoàn toàn ủng hộ Iraq chứ không ủng hộ các chính phủ Kuwait và Ả-rập Xê-út được Phương Tây hỗ trợ. Hâm nóng lại chủ nghĩa dân tộc Ả-rập, Saddam Hussein công khai kêu gọi cộng đồng Hồi giáo. Ông ta và những người ủng hộ cố diễn tả cuộc chiến tranh này như một cuộc đấu tranh giữa các nền văn minh. Như lời ông Safer Al-Hawai, chủ nhiệm Khoa Nghiên cứu Hồi giáo tại Đại học Umm Al-Quara ở Mecca, nói trong một bài diễn văn được phổ biến rộng rãi: „Đây không phải là

thế giới chống lại Iraq mà là Phương Tây chống lại Hồi giáo“. Vượt qua các cuộc cạnh tranh giữa Iran, Ayatollah Ali Khomeini đã kêu gọi tiến hành một cuộc chiến tranh thần thánh chống lại Phương Tây: „Cuộc đấu tranh chống sự xâm lăng, lòng tham, các kế hoạch và chính sách của Mỹ sẽ được coi là cuộc thánh chiến và những ai hi sinh trong cuộc chiến này đều là những người tử vì đạo“. Còn vua Geordani là Hussein thì tuyên bố: „Đây là cuộc chiến tranh chống lại tất cả người Ả-rập và người Hồi giáo chứ không chỉ chống lại riêng Iraq“.

Một tập hợp gồm phần lớn giới elit và cư dân Ả-rập hậu thuẫn cho Saddam Hussein đã làm cho các chính phủ Ả-rập lúc đầu tham gia liên minh chống Iraq phải hạn chế bớt hành động và hạ giọng những tuyên bố công khai của họ. Các chính phủ Ả-rập đã tránh xa hoặc phản đối những cố gắng tiếp theo của Phương Tây nhằm gây sức ép đối với Iraq, trong đó có việc quy định khu vực „cấm bay“ áp dụng từ mùa hè năm 1992 và ném bom Iraq hồi tháng 1-93. Liên minh chống Iraq, gồm Phương Tây, Liên Xô, Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Ả-rập, hình thành năm 1990, đến năm 1993 chỉ còn lại Phương Tây và Kuwait. So sánh quyết tâm của Phương Tây chống Iraq với việc Phương Tây không bảo vệ được những người Hồi giáo Bosnia trước người Serb và không áp đặt được những sự trừng phạt đối với việc Israel vi phạm những nghị quyết của Liên Hợp Quốc, những người Hồi giáo tố cáo Phương Tây áp dụng tiêu chuẩn nước đôi. Nhưng thế giới diễn ra sự đung độ giữa các nền văn minh tất yếu là một thế giới với tiêu chuẩn nước đôi: người ta áp dụng một tiêu chuẩn cho các „nước thân tộc“ và một tiêu chuẩn khác cho các nước còn lại.

Thứ hai: Hội chúng nước thân tộc cũng xuất hiện trong các cuộc xung đột tại Liên Xô cũ. Những thắng lợi quân sự của người Armenia hồi năm 1992 - 1993 đã khuyến khích Thổ Nhĩ Kỳ ủng hộ tích cực hơn những người Berthren cùng tôn giáo, sắc tộc và ngôn ngữ với họ ở Azerbaijan. Một quan chức cấp cao Thổ Nhĩ Kỳ nói: „Người Thổ Nhĩ Kỳ có cùng những tình cảm như người Azerbaijan. Chúng tôi hiện nay đang bị sức ép. BÁO chí của chúng tôi đăng đầy ảnh về những hành động tàn bạo của người Armenia: Người ta hỏi chúng tôi: lẽ nào chúng tôi vẫn nghiêm chỉnh theo đuổi chính sách trung lập?

Có lẽ chúng tôi phải cho Armenia biết là vẫn còn một nước Thổ Nhĩ Kỳ to lớn ở khu vực“. Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ T. Ozal cũng nhất trí với điều này. Ông tuyên bố cần đe dọa Armenia ít nhiều. Năm 1993 ông lại dọa rằng „Thổ Nhĩ Kỳ sẽ còn cho thấy nanh vuốt của mình“. Không lực Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến hành các chuyến bay trinh thám trên dọc đường biên giới Armenia. Thổ Nhĩ Kỳ và Iran cũng tuyên bố sẽ không cho phép chia cắt Azerbaizan. Trong những năm tồn tại cuối cùng của mình, chính phủ Liên Xô đã ủng hộ Azerbaizan, nơi những người cộng sản vẫn nắm quyền lực. Tuy nhiên, với việc Liên Xô sụp đổ, các động cơ chính trị bị các động cơ tôn giáo thay thế. Giờ đây quân đội Nga đã chiến đấu bên cạnh người Armenia, còn người Azerbaizan thì tố cáo „chính phủ Nga quay ngoắt 180 độ sang ủng hộ Armenia Kito giáo“.

Thứ ba: Nhìn vào cuộc chiến hiện nay ở Nam Tư thì thấy ở đây công chúng Phương Tây đã bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ những người Hồi giáo Bosnia và mối lo sợ và ghê tởm trước những hành động dã man do người Serb gây ra. Tuy nhiên, nó tương đối ít quan tâm tới những cuộc tiến công của người Croat đối với người Hồi giáo và sự chia cắt Bosnia Hersegovina. Trong thời kỳ đầu sự tan rã của Nam Tư, Đức đã thể hiện một sáng kiến và áp lực ngoại giao không bình thường, thuyết phục 11 nước thành viên khác của EC làm theo Đức công nhận Slovenia và Croatia. Cố gắng củng cố địa vị của hai nước Thiên chúa giáo này, Vaticăng đã công nhận Slovenia và Croatia thậm chí trước cả EC. Mỹ cũng làm theo gương Châu Âu trong chuyện này. Như vậy, các nước chủ yếu trong nền văn minh Phương Tây đã tập hợp để làm hậu thuẫn cho các đạo hữu của họ. Và sau đó có tin Croatia nhận được khối lượng vũ khí từ Trung Âu và các nước Phương Tây khác: Mặt khác, chính phủ Elsin cố gắng theo đuổi chính sách trung lập để không phá vỡ quan hệ với những người Serb theo Đông chính giáo và không làm nước Nga đối lập với Phương Tây. Tuy nhiên, những người bảo thủ và dân tộc chủ nghĩa Nga, trong đó có nhiều đại biểu nhân dân, đã chỉ trích chính phủ không ủng hộ mạnh mẽ hơn đối với những người Serb. Vào đầu năm 1993, hàng trăm người Nga hình như đã phục vụ trong các lực lượng của người Serb và có tin là vũ khí Nga đã được cung cấp cho Serbia.

Đến lượt mình, các chính phủ và các nhóm chính trị Hồi giáo cũng chỉ trích Phương Tây là đã không bảo vệ những người Hồi giáo Bosnia. Các lãnh tụ Iran đã kêu gọi những người Hồi giáo ở tất cả các nước giúp đỡ Bosnia. Vi phạm lệnh cấm vận vũ khí của Liên Hợp Quốc, Iran đã cung cấp quân lính và vũ khí cho Bosnia. Các nhóm Liban được Iran ủng hộ đã phái du kích tới huấn luyện tổ chức các lực lượng vũ trang Bosnia. Có tin năm 1993, tới 4000 người Hồi giáo từ hơn 20 nước Hồi giáo đã chiến đấu ở Bosnia. Chính phủ Ảrập Xêút và các nước khác bị các nhóm chính thống ở nước họ gây sức ép ngày càng lớn đòi hỏi ủng hộ mạnh mẽ hơn đối với Bosnia. Theo tin tức, vào cuối năm 1992, Ảrập Xêút đã giúp những người Hồi giáo Bosnia nhiều tiền mua vũ khí và lương thực, thực phẩm. Điều đó đã làm tăng đáng kể khả năng quân sự của họ đối với người Serb.

Trong những năm 1930, cuộc nội chiến Tây Ban Nha đã gây ra sự can thiệp của những nước mà về mặt chính trị vốn là phát xít, cộng sản và dân chủ. Ngày nay, trong những năm 1990, cuộc xung đột Nam Tư đã gây ra sự can thiệp của các nước Hồi giáo, Đông chính giáo và Kito giáo Phương Tây. Sự tương đồng này không phải không được người ta để ý tới. Một biên tập viên Ảrập Xêút nhận xét: „Cuộc chiến tranh ở Bosnia Hersegovina đã trở thành cuộc chiến đầy xúc động giống như chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít trong những năm nội chiến ở Tây Ban Nha. Những ai đã hi sinh ở đó đều được coi là những người tử vì đạo đã hiến dâng sự sống của mình để cứu những người Hồi giáo anh em của họ“.

Xung đột và bạo lực cũng sẽ xảy ra giữa các nước và các nhóm trong cùng một nền văn minh, cũng như bên trong các nước đó. Tuy nhiên, chúng thường không đến mức căng thẳng và rộng khắp bằng cuộc xung đột giữa các nền văn minh. Tính quy thuộc về cùng một nền văn minh sẽ làm giảm bớt khả năng xảy ra bạo lực trong trường hợp mà nếu không trong hoàn cảnh đó thì tất yếu sẽ xảy ra bạo lực. Trong năm 1991 và 1992, nhiều người đã lo ngại về khả năng nổ ra xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina về các vùng lãnh thổ tranh chấp, đặc biệt là Krum, hạm đội Biển Đen, vấn đề các kho hạt nhân và các vấn đề kinh tế. Nhưng nếu xét đến tính quy thuộc văn minh thì thấy khả năng xảy ra xung đột vũ trang giữa Nga và

Ukraina sẽ không lớn. Chúng là hai dân tộc gốc Slave, chủ yếu theo Đông chính giáo, có quan hệ chặt chẽ với nhau hàng nhiều thế kỷ. Và vì vậy, vào đầu năm 1993, bất chấp tất cả những lý do có thể làm nổ ra xung đột, các nhà lãnh đạo của 2 nước đã thương lượng có hiệu quả, loại bỏ được những bất đồng. Trong khi đó trên lãnh thổ Liên Xô trước đây, đã diễn ra những trận chiến ác liệt giữa những người Hồi giáo và Kito giáo, sự căng thẳng dẫn tới một số cuộc xung đột trực tiếp giữa người Kito giáo Phương Tây và người Kito Đông chính giáo tại các nước Baltic; nhưng giữa người Nga và người Ukraina đã không xảy ra bạo lực.

Tới nay, sự tập hợp các nền văn minh còn mang những hình thức hạn chế nhưng quá trình đó đang tăng lên và nó có tiềm năng đáng kể cho tương lai. Cùng với diễn biến các cuộc xung đột ở vùng Vịnh Persic, vùng Kavkaz và Bosnia, lập trường của các nước khác nhau và sự bất đồng giữa chúng ngày càng được quyết định theo tính quy thuộc văn minh. Các nhà chính trị theo phái dân túy, các nhà lãnh đạo tôn giáo và các phương tiện thông tin đại chúng nhận thấy nó là một công cụ mạnh mẽ đảm bảo cho họ sự ủng hộ của đông đảo cư dân và cho phép họ gây sức ép với các chính phủ còn chần chừ, ngần ngại. Trong tương lai gần, các cuộc xung đột địa phương, giống như các cuộc xung đột ở Bosnia và vùng Kavkaz, xảy ra dọc theo ranh giới các nền văn minh sẽ có nhiều nguy cơ nhất chuyển thành các cuộc chiến tranh quy mô lớn. Cuộc chiến tranh thế giới tới đây, nếu nó xảy ra, sẽ là cuộc chiến tranh giữa các nền văn minh.

Phương Tây đối đầu với phần còn lại của thế giới

Phương Tây hiện nay đang ở đỉnh cao quyền lực của mình trong quan hệ với các nền văn minh khác. Siêu cường thứ hai, mà trước đây là đối thủ của nó, đã biến mất khỏi bản đồ chính trị thế giới. Người ta không thể nghĩ tới một cuộc xung đột quân sự giữa các nước Phương Tây, và sức mạnh quân sự của Phương Tây là không có gì sánh được. Nếu không kể Nhật Bản thì Phương Tây không có kẻ cạnh tranh kinh tế nào. Nó thao túng trong lĩnh vực chính trị, trong lĩnh vực an ninh và, cùng với Nhật Bản, cả trong lĩnh vực kinh tế. Các vấn đề chính trị và an ninh toàn cầu đều được giải quyết có hiệu quả theo sự chỉ đạo của Mỹ, Anh và Pháp; các vấn đề kinh tế thế giới được giải quyết theo sự chỉ đạo của Mỹ, Đức và Nhật bản. Tất cả những nước này có quan hệ chặt chẽ đặc biệt với nhau, không cho các nước nhỏ hơn, các nước thuộc thế giới phi phương Tây lọt vào nhóm của mình. Các quyết định do Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hoặc Quỹ Tiền tệ Quốc tế thông qua, phản ánh những lợi ích của Phương Tây đều được trình bày trước thế giới như là các quyết định đáp ứng những nguyện vọng thiết thân của cộng đồng thế giới. Chính nhóm từ „cộng đồng thế giới“ đã trở thành ngôn ngữ thay thế cho nhóm từ „thế giới Tự do“ nhằm đưa lại tính hợp pháp toàn cầu cho những hành động phản ánh các lợi ích của Mỹ và các nước lớn Phương Tây khác [4] Thông qua IMF và các tổ chức kinh tế thế giới khác, Phương Tây thực hiện các lợi ích kinh tế riêng của họ và áp đặt cho các nước khác chính sách kinh tế mà Phương Tây cho là thích đáng. Trong bất kỳ cuộc thăm dò nào ở các nước phi Phương Tây, IMF rõ ràng chỉ giành được sự ủng hộ của các bộ trưởng tài chính và một số người khác, nhưng không được sự ủng hộ của đại đa số cư dân. Ông G. Arbatov đánh giá các quan chức IMF là những „người Bolsevich mới“, thích chiếm đoạt tiền của người khác, áp đặt cho họ các điều luật không dân chủ và xa lạ về hành vi kinh tế, chính trị và tước đoạt tự do kinh tế của họ“.

Phương Tây chi phối trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, và các quyết định của nó, chỉ đôi khi bị giảm đi do Trung Quốc bỏ phiếu trắng; đã bảo cho Phương Tây các cơ sở hợp pháp để sử dụng lực lượng dưới danh nghĩa Liên Hợp Quốc nhằm đẩy Iraq ra khỏi Kuwait và thủ tiêu các loại vũ khí tinh xảo của Iraq cùng khả năng của nước này sản xuất những vũ khí đó. Một việc cũng chưa từng có là yêu sách do Mỹ, Anh và Pháp đưa ra, nhân danh Hội đồng Bảo an đòi Liby trao những kẻ tình nghi thực hiện vụ đánh bom chiếc máy bay của hãng hàng không PANAm I03 cho họ và sau đó áp đặt những trừng phạt khi Liby từ chối thực hiện yêu sách đó. Sau khi đánh đội quân Ảrập to lớn nhất, Phương Tây đã không ngần ngại triển khai sức mạnh của họ trong thế giới Ảrập. Thực tế, Phương Tây đang sử dụng các tổ chức, sức mạnh quân sự và các nguồn tài chính quốc tế để điều hành thế giới, đồng thời củng cố ưu thế của mình, bảo vệ những lợi ích của Phương Tây và khẳng định những giá trị chính trị và kinh tế của Phương Tây.

Ít ra là các nước phi Phương Tây đã nhìn thế giới ngày nay như vậy và trong quan điểm của họ có một phần đáng kể chân lý. Những sự chênh lệch về quy mô quyền lực và đấu tranh giành quyền lực quân sự, kinh tế, chính trị như vậy là một nguồn gây ra xung đột giữa Phương Tây và các nền văn minh khác. Nhưng khác biệt về văn hoá, những giá trị cơ bản và niềm tin là một nguồn khác gây ra xung đột ông V.S. Naipaul khẳng định rằng văn minh Phương Tây là nền „văn minh phổ quát“ phù hợp với tất cả mọi người. Bên ngoài, nhiều thứ trong nền văn hoá Phương Tây thực sự đã thâm nhập vào phần còn lại của thế giới. Tuy nhiên ở mức độ sâu hơn, những quan niệm và tư tưởng Phương Tây khác biệt về cơ bản với những gì vốn có trong các nền văn minh khác. Các quan niệm Phương Tây, như chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa lập hiến, chủ nghĩa nhân quyền, bình đẳng tự do, địa vị tối cao của luật pháp, dân chủ, thị trường tự do, việc tách biệt nhà thờ với nhà nước, gần như không có tiếng vang trong các nền văn hóa Hồi giáo, Nho giáo, Nhật giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo và Đông chính giáo. Những cố gắng của Phương Tây nhằm truyền bá những quan niệm này thường gây ra sự phản ứng thù địch chống lại „chủ nghĩa đế quốc về quyền con người“ và góp phần khẳng định những giá trị văn hóa bản địa.

Ta có thể thấy điều này, chẳng hạn, qua việc thế hệ trẻ ủng hộ chủ nghĩa chính thống tôn giáo các nước phi Phương Tây. Nhưng ngay luận đề về khả năng có một nền „văn minh phổ quát“ cũng là một ý niệm Phương Tây. Nó trực tiếp xung khắc với chủ nghĩa cát cứ của phần lớn các nền văn hoá châu Á và với sự chú trọng của nền văn hóa đó tới những dị biệt chia rẽ những người này với những người kia. Thực tế, như nghiên cứu so sánh về ý nghĩa của 100 phương châm giá trị trong xã hội khác nhau đã cho thấy, „những giá trị được coi là quan trọng nhất ở Phương Tây lại ít quan trọng nhất ở phần còn lại của thế giới“ [5]. Trong lĩnh vực chính trị, sự khác biệt này thể hiện rõ nhất trong các cố gắng của Mỹ và các nước Phương Tây khác nhằm áp đặt cho nhân dân các nước khác những ý tưởng của Phương Tây về dân chủ và nhân quyền. Chính phủ dân chủ hiện đại hình thành một cách lịch sử ở Phương Tây. Nếu nó được khẳng định ở đâu đó tại các nước phi Phương Tây, nó chỉ là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân hoặc sự áp đặt của Phương Tây.

Nhìn chung, trung tâm chính trị thế giới trong tương lai, theo nhận định của Kishore Mahbubani, có thể là xung đột giữa „Phương Tây và phần thế giới còn lại“ và phản ứng của các nền văn minh phi Phương Tây đối với quyền lực và những giá trị của Phương Tây [6]. Phản ứng này thường mang một trong 3 hình thức, hoặc kết hợp của cả 3 hình thức đó. Thứ nhất, và đây là phương án cực đoan nhất, các nước phi Phương Tây có thể theo gương Bắc Triều Tiên hay Mianma, đi theo con đường cách biệt, giữ cho đất nước mình tách khỏi sự thâm nhập và suy đồi của Phương Tây, về cơ bản không tham gia đời sống cộng đồng thế giới do Phương Tây thao túng. Tuy nhiên, cái giá phải trả cho con đường này rất cao và chỉ ít nước đi theo con đường này triệt để. Khả năng thứ hai là thử hòa nhập với Phương Tây và chấp nhận những giá trị và thể chế của nó. Nói theo ngôn ngữ lý luận quan hệ quốc tế thì đó là „nhảy lên đoàn tàu“. Khả năng thứ ba là cố gắng „cân bằng“ với Phương Tây bằng cách phát triển sức mạnh kinh tế và quân sự, hợp tác với các nước phi Phương Tây khác chống lại Phương Tây, trong khi đó duy trì những giá trị và thể chế dân tộc bản xứ. Nói gọn lại là hiện đại hoá nhưng không Phương Tây hoá.

Các nước phân rã

Trong tương lai, khi tính quy thuộc một nền văn minh nào đó trở thành cơ sở tự đồng nhất của con người thì các nước có nhiều dân tộc với những nền văn minh khác nhau, như Liên Xô hay Nam Tư, là những nước đứng đầu về khả năng phân rã. Nhưng có cả những nước khá đồng nhất về mặt văn hóa nhưng lại không nhất trí về vấn đề là mình thuộc về văn minh nào. Đó là những nước phân rã bên trong. Chính phủ của các nước đó thường thích „nhảy lên đoàn tàu“ và gắn với Phương Tây nhưng lịch sử, văn hóa và truyền thống của chúng lại chẳng có gì chung với Phương Tây cả. Thí dụ rõ rệt và điển hình nhất về nước phân rã bên trong là Thổ Nhĩ Kỳ. Ban lãnh đạo cuối thế kỷ 20 của Thổ Nhĩ Kỳ trung thành với truyền thống Attaturk và liệt đất nước của mình vào các nhà nước dân tộc thế tục hiện đại kiểu Phương Tây . Nó biến Thổ thành đồng minh của Phương Tây theo NATO và trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh, nó đã xin được là thành viên Cộng đồng Châu Âu. Nhưng đồng thời lại có những yếu tố riêng biệt trong xã hội Thổ ủng hộ việc phục hồi các truyền thống Hồi giáo và khẳng định rằng trên cơ sở của mình, Thổ Nhĩ Kỳ là một nước Hồi giáo Trung Đông. Ngoài ra, trong khi giới elit chính trị của Thổ xác định Thổ là một xã hội Phương Tây, thì giới elit chính trị của Phương Tây lại không thừa nhận điều đó. Thổ sẽ không trở thành thành viên của Cộng đồng Châu Âu và lí do đích thực của điều đó, như tổng thống Ozal nói, „là ở chỗ chúng tôi là những người Hồi giáo, còn họ là những người Kito giáo, nhưng họ không nói toạc ra điều đó“. Rồi bỏ Thánh địa Mecca và rồi bị Brussel ruồng bỏ, Thổ sẽ trông cậy vào đâu? Câu trả lời có thể là „Tashkent“. Liên Xô sụp đổ tạo cho Thổ cơ hội độc nhất trở thành người lãnh đạo nền văn minh Thổ đang được phục hồi, bao gồm 7 nước từ biên giới Hi Lạp đến biên giới của Trung Quốc. Được Phương Tây khuyến khích, Thổ đang dồn mọi cố gắng để tạo ra cho mình tính đồng nhất mới này.

Trong thập kỷ qua, cả Mexico cũng lâm vào cảnh ngộ như của Thổ. Giống như Thổ từ bỏ sự chống đối lịch sử của mình

đối với Châu Âu và rắp ranh gia nhập Châu Âu, Mexico cũng không còn tự coi mình đối lập với Mỹ như trước đây nữa, mà cố tìm cách bắt chước Mỹ và gia nhập Khu vực Mậu dịch Tự do Bắc Mỹ. Các nhà chính trị Mexico đang bận bịu giải quyết một nhiệm vụ lớn lao là xác định lại tính đồng nhất của Mexico và thực hiện những cải cách kinh tế cơ bản, dần dần sẽ dẫn tới những thay đổi chính trị cơ bản. Năm 1991, cố vấn thứ nhất của Tổng thống Carlos Salinas de Gortari đã mô tả tỉ mỉ cho tôi những thay đổi mà chính phủ Salinas đang thực hiện. Khi ông ta nói xong tôi nhận xét: „Những điều ngài nói gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ. Dường như về cơ bản ngài muốn biến Mexico từ một nước Mỹ Latinh thành một nước Bắc Mỹ“. Ông ta nhìn tôi ngạc nhiên và kêu lên: „Đúng như vậy! Đó đúng là những gì mà chúng tôi đang tìm cách làm, nhưng tất nhiên không ai nói công khai như vậy!“ Nhận xét đó cho thấy, ở Mexico cũng như ở Thổ, có những lực lượng xã hội quan trọng chống lại cách xác định mới về tính đồng nhất dân tộc. Tại Thổ, các nhà hoạt động chính trị có xu hướng Châu Âu phải làm những động tác đối với phía Hồi giáo (cuộc hành hương của Ozal tới thánh địa Mecca), cũng giống như các nhà lãnh đạo Mexico có xu hướng Bắc Mỹ phải có động tác với những người coi Mexico vẫn là một nước Mỹ Latinh (cuộc gặp cấp cao Ibero-Mỹ do Salinas tổ chức tại Guadalajara).

Về mặt lịch sử, Thổ là nước bị rạn nứt bên trong sâu sắc nhất. Đối với Mỹ, Mexico là nước bị phân rã bên trong gần nhất. Trên phạm vi toàn cầu, Nga là nước bị phân rã nghiêm trọng nhất. Vấn đề liệu Nga có phải là một bộ phận của Phương Tây hay không, hay là người lãnh đạo nền văn minh Slave Đông chính giáo đặc thù của mình, là vấn đề được đặt ra không chỉ một lần trong lịch sử Nga. Vấn đề này còn bị rối thêm do chiến thắng của những người cộng sản Nga vũ trang bằng hệ tư tưởng của Phương Tây, họ đã thích dụng nó vào điều kiện của Nga và rồi thách thức Phương Tây dưới danh nghĩa của hệ tư tưởng đó. Sự thống trị của Chủ nghĩa Cộng sản đã chấm dứt cuộc tranh luận lịch sử giữa phái Tây Âu và phái Slave. Nhưng khi Chủ nghĩa Cộng sản bị gạt bỏ, người Nga lại một lần nữa đứng trước vấn đề này.

Tổng thống Elsin đang vay mượn những nguyên tắc và mục đích của Phương Tây, tìm cách làm cho Nga trở thành

một nước „bình thường“ của thế giới Phương Tây. Vậy mà cả giới elit cầm quyền lẫn đông đảo dân chúng Nga đều bị chia rẽ về vấn đề này. Một trong số những người bất đồng chính kiến ôn hoà là Sergei Stankevich cho rằng nước Nga cần khước từ đường lối „Đại Tây Dương hoá“, một quá trình sẽ biến Nga thành một nước Châu Âu, thành một bộ phận của hệ thống kinh tế thế giới, thành viên thứ 8 của nhóm 7 nước phát triển hiện nay, rằng nó không được trông đợi ở Đức và Mỹ, là các nước chủ đạo của liên minh Đại Tây Dương“. Trong khi bác bỏ chính sách thuần „Âu-Á“, Stankevich vẫn cho rằng nước Nga phải ưu tiên việc bảo vệ người Nga đang sinh sống ở nước ngoài. ông nhấn mạnh tới các mối liên hệ của Nga với Thổ và Hồi giáo và kiên trì đòi hỏi „phân phối lại cho thoả đáng các nguồn lực của Nga, xem xét lại các ưu tiên, các mối liên hệ và lợi ích của chúng ta ở phía Đông, có lợi cho châu Á“. Những người theo thuyết này chỉ trích Elsin để các lợi ích của Nga lệ thuộc vào Phương Tây, làm giảm sức mạnh phòng thủ của nước Nga, từ chối ủng hộ những người bạn truyền thống như Serb và lựa chọn đường lối cải cách kinh tế và chính trị đem lại cho nhân dân vô số khổ đau. Biểu hiện của chiều hướng này là sự quan tâm trở lại đối với những ý tưởng của Petr Savixki, người mà trong những năm 1920 đã viết rằng Nga là „một nền văn minh Âu-Á duy nhất“.[7] Có cả những tiếng nói gay gắt hơn, đôi khi mang tính chất dân tộc chủ nghĩa, chống Phương Tây và bài Do Thái công khai. Họ đòi Nga phục hồi sức mạnh quân sự và thiết lập những quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc và các nước Hồi giáo. Nhân dân Nga bị phân rã không kém giới elit chính trị. Một cuộc thăm dò dư luận xã hội ở phần Châu Âu của Nga vào mùa xuân năm 1992 cho thấy rằng 40% dân chúng có thái độ tích cực đối với Phương Tây còn 36% có thái độ tiêu cực. Vào đầu những năm 1990, cũng như trong gần suốt toàn bộ lịch sử của mình, nước Nga vẫn là một nước phân rã bên trong.

Để một nước bị phân rã bên trong có thể lấy lại tính đồng nhất văn hoá của mình, cần có ba điều kiện. Thứ nhất, giới elit chính trị và kinh tế của nước đó nói chung phải có thái độ ủng hộ và hoan nghênh bước đi này. Thứ hai, nhân dân nước đó phải nhất trí, dù là miễn cưỡng, chấp nhận tính đồng nhất mới. Thứ ba, các nhóm đang chi phối trong nền văn minh mà nước bị phân rã đang cố hoà nhập vào phải sẵn sàng hoan nghênh

người mới thay đổi chính kiến. Mexico có 3 điều kiện này. Thổ có 2 điều kiện đầu. Còn đối với Nga, một nước đang muốn kết thân với Phương Tây, thì hoàn toàn không rõ tình hình là như thế nào. Xung đột giữa nền dân chủ tự do và chủ nghĩa Marx-Lenin là cuộc xung đột giữa các hệ tư tưởng mà, dù có những khác biệt lớn, bề ngoài vẫn có chung những mục tiêu cơ bản là tự do, bình đẳng và phồn vinh. Nhưng một nước Nga truyền thống, chuyên quyền và dân tộc chủ nghĩa sẽ hướng tới những mục tiêu hoàn toàn khác. Một người dân chủ Phương Tây hoàn toàn có thể tranh luận về tri thức với một người macxít Liên Xô. Nhưng sẽ vô nghĩa nếu tranh luận với một người theo chủ nghĩa truyền thống Nga. Và nếu người Nga, khi không còn là những người macxít nữa, bác bỏ chế độ dân chủ tự do và bắt đầu xử sự như những người Nga chứ không phải là như những người Phương Tây, thì những quan hệ giữa Nga và Phương Tây có thể lại trở nên xa cách và thù địch [8].

Khối Nho giáo - Hồi giáo

Những chướng ngại đặt ra trên con đường các nước phi Phương Tây gia nhập Phương Tây là khác nhau về mức độ sâu sắc và phức tạp. Đối với các nước Mỹ La tinh và Đông Âu, trở ngại không lớn lắm. Đối với các nước Đông chính giáo thuộc Liên Xô cũ, trở ngại đáng kể hơn nhiều. Nhưng những trở ngại nghiêm trọng nhất là đặt ra cho các nước Hồi giáo, Nho giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo. Nhật Bản đã xác lập được một vị trí độc nhất cho riêng bản thân mình với tư cách là một thành viên liên kết của Phương Tây. Về một số mặt nào đó, nó nằm trong số các nước Phương Tây, nhưng rõ ràng nó khác Phương Tây về những chiều cạnh quan trọng nhất của mình. Những nhà nước mà vì lí do văn hoá hoặc quyền lực không muốn hoặc không thể gia nhập Phương Tây sẽ cạnh tranh với Phương Tây bằng cách phát triển sức mạnh kinh tế, quân sự và chính trị của riêng mình. Chúng làm điều này bằng cách phát triển bên trong và hợp tác với các nước phi Phương Tây khác. Thí dụ nổi bật nhất của sự hợp tác này là khối Nho giáo - Hồi giáo, hình thành như là sự thách thức với các lợi ích, giá trị và sức mạnh của Phương Tây.

Các nước Phương Tây, gần như không trừ nước nào, đang cắt giảm sức mạnh quân sự của mình. Dưới sự lãnh đạo của Elsin, nước Nga cũng làm như vậy. Tuy nhiên Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và một loạt các nước Trung Đông đang tăng đáng kể tiềm năng quân sự của chúng. Chúng làm điều này bằng cách mua vũ khí của các nước Phương Tây và phi Phương Tây và phát triển ngành công nghiệp quân sự riêng của mình. Kết quả là đã xuất hiện một hiện tượng mà Ch. Krautheimer gọi là hiện tượng của các nước được vũ trang, nhưng „các nước được vũ trang“ lại hoàn toàn không phải là các nước Phương Tây. Một kết quả khác là việc xem xét lại khái niệm kiểm soát vũ khí. ý tưởng về kiểm soát vũ khí là do Phương Tây đưa ra. Trong suốt thời kì Chiến tranh lạnh, mục đích hàng đầu của sự kiểm soát đó là thiết lập một sự cân bằng quân sự ổn định giữa một bên là Mỹ và các đồng minh của Mỹ và bên kia là Liên Xô và các đồng minh của Liên Xô. Trong

thời kì sau Chiến tranh lạnh, mục tiêu hàng đầu của kiểm soát vũ khí là ngăn chặn nguồn đe dọa tiềm tàng các lợi ích của Phương Tây. Phương Tây thực hiện điều này thông qua các hiệp định quốc tế, sức ép kinh tế, kiểm soát việc chuyển giao vũ khí và kỹ thuật quân sự.

Xung đột giữa Phương Tây và các nước Nho giáo Hồi giáo tập trung chủ yếu, tuy không phải là hoàn toàn, xung quanh các vấn đề vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, tên lửa đạn đạo và các phương tiện phức tạp khác phục vụ cho việc phóng vũ khí đó, và các hệ thống điều khiển, quan sát và các phương tiện điện tử khác để đạt mục tiêu ấy. Phương Tây tuyên bố lấy nguyên tắc không phổ biến vũ khí làm chuẩn mực chung và bắt buộc, và lấy các hiệp định không phổ biến vũ khí và giám sát làm biện pháp để thực hiện chuẩn mực ấy. Phương Tây cũng dự tính một hệ thống các hình thức trừng phạt khác nhau chống lại những ai tạo điều kiện phổ biến những loại vũ khí tối tân và ưu đãi đối với những ai tuân thủ nguyên tắc không phổ biến vũ khí. Dĩ nhiên, mối quan tâm của Phương Tây tập trung vào các nước thực sự hoặc có khả năng thù địch chống lại mình.

Về phía mình, các nước phi Phương Tây lại khẳng định quyền của mình được nắm giữ, sản xuất và triển khai bất cứ loại vũ khí nào mà họ cho là cần thiết đối với an ninh của họ. Họ cũng thâm nhuần sâu sắc chân lí mà Bộ trưởng bộ Quốc phòng Ấn Độ nói ra khi trả lời câu hỏi là ông ta đã rút ra được bài học gì từ cuộc chiến tranh vùng Vịnh: „Đừng giãy với Mỹ khi anh không có vũ khí hạt nhân”. Vũ khí hạt nhân, vũ khí hoá học và tên lửa được coi - có lẽ là sai lầm - là đối trọng tiềm tàng với ưu thế to lớn của Phương Tây trong lĩnh vực vũ khí thông thường. Dĩ nhiên, Trung Quốc đã có vũ khí này trên lãnh thổ của mình. Bắc Triều Tiên, Iran, Iraq, Liby và Algeri đang cố gắng tìm cách có được loại vũ khí này. Một quan chức cấp cao Iran đã tuyên bố các nước Hồi giáo cần có vũ khí hạt nhân và năm 1988 có tin tổng thống Iran đã ra lệnh kêu gọi sản xuất „vũ khí phòng vệ và tấn công loại hoá học, sinh học và phóng xạ“.

Sự mở rộng sức mạnh quân sự của Trung Quốc và khả năng của Trung Quốc tăng cường sức mạnh đó cả trong tương lai đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra tiềm lực quân sự

chống Phương Tây. Nhờ phát triển kinh tế thành công, Trung Quốc thường xuyên tăng chi phí quân sự và hiện đại hoá mạnh mẽ quân đội của mình. Trung Quốc đang mua vũ khí từ các nước thuộc Liên Xô (cũ) , tiến hành việc chế tạo tên lửa đạn đạo tầm xa. Năm 1992, Trung Quốc thử một quả bom hạt nhân công suất một mégaton. Thực hiện chính sách mở rộng ảnh hưởng của mình, Trung Quốc đang nghiên cứu hệ thống tiếp dầu trên không và tìm cách có được các tàu sân bay. Sức mạnh quân sự của Trung Quốc và tham vọng của nó chi phối vùng biển Nam Trung Hoa đang gây ra chạy đua vũ trang ở Đông Nam Á. Trung Quốc cũng là nước xuất khẩu lớn về vũ khí và kỹ thuật quân sự. Nó cung cấp cho Liby và Iraq những nguyên liệu có thể dùng để sản xuất vũ khí hạt nhân và hơi độc huỷ hoại thần kinh. Nó đã giúp Algeri xây dựng một lò phản ứng tiện lợi cho việc nghiên cứu và sản xuất vũ khí hạt nhân. Trung Quốc cũng đã bán cho Iran kỹ thuật hạt nhân, mà theo các chuyên gia Mỹ, chỉ có thể dùng để sản xuất vũ khí. Trung Quốc đã chuyển cho Pakistan những bộ phận của tên lửa tầm 300 dặm Anh. Trong một thời gian Bắc Triều Tiên đã nghiên cứu chương trình sản xuất vũ khí hạt nhân - người ta biết rằng nước này đã bán tên lửa tối tân và kỹ thuật tên lửa cho Syri và Iran. Dòng chảy của vũ khí và kỹ thuật quân sự thường theo chiều từ Đông Nam Á sang Cận Đông. Tuy nhiên, cũng có một vài trường hợp ngược chiều: chẳng hạn Trung Quốc lại nhận tên lửa Stinger từ Pakistan.

Như vậy, khối quân sự Nho giáo - Hồi giáo đã hình thành. Mục đích của nó là thúc đẩy các nước thành viên của mình mua sắm vũ khí và kỹ thuật quân sự cần thiết nhằm tạo ra đối trọng với sức mạnh quân sự của Phương Tây. Không biết liệu nó có tồn tại lâu dài hay không. Nhưng hiện tại, như Dave McCurdy nói, „đó là liên minh của những kẻ bội giáo, do bọn phổ biến vũ khí hạt nhân và những kẻ ủng hộ chúng cầm đầu“. Một hình thức chạy đua vũ trang mới đang được triển khai giữa các nước Hồi giáo - Nho giáo và Phương Tây. Trong giai đoạn trước, mỗi bên nghiên cứu và sản xuất vũ khí nhằm đạt được sự cân bằng hoặc chiếm ưu thế trước bên kia . Giờ đây một bên nghiên cứu và sản xuất các loại vũ khí mới còn bên kia thì cố hạn chế và ngăn chặn việc tăng cường vũ khí ấy, đồng thời giảm tiềm lực quân sự của chính mình.

Những hàm ý đối với Phương Tây

Bài báo này không khẳng định rằng tính đồng nhất văn minh sẽ thay thế tất cả các hình thức tính đồng nhất khác, rằng các nhà nước dân tộc sẽ biến mất, rằng mỗi nền văn minh sẽ trở thành một thực thể chính trị duy nhất và hoàn chỉnh, rằng các nhóm khác nhau trong một nền văn minh sẽ không còn xung đột và đấu tranh với nhau. Tôi chỉ nêu ra giả thiết rằng những khác biệt giữa các nền văn minh là có thực và quan trọng; tự ý thức về văn minh đang tăng lên; xung đột giữa các nền văn minh sẽ thay thế xung đột hệ tư tưởng và các dạng xung đột khác với tính cách là hình thức xung đột chi phối toàn cầu; các quan hệ quốc tế, mà về mặt lịch sử là trò chơi trong khuôn khổ nền văn minh Phương Tây, sẽ ngày càng phi Phương Tây hóa và trở thành một trò chơi mà trong đó các nền văn minh phi Phương Tây sẽ là các nhân vật tích cực chứ không đơn thuần là các đối tượng tiêu cực; các thể chế quốc tế có hiệu quả trong lĩnh vực chính trị, kinh tế và an ninh sẽ hình thành bên trong các nền văn minh chứ không phải là giữa chúng; xung đột giữa các nhóm thuộc các nền văn minh khác nhau sẽ nổ ra thường xuyên hơn, dai dẳng hơn, đẫm máu hơn so với các cuộc xung đột bên trong một nền văn minh; xung đột vũ trang giữa các nhóm thuộc những nền văn minh khác nhau sẽ là nguồn gốc có xác suất lớn nhất và nguy hiểm nhất gây ra tình trạng căng thẳng, là nguồn tiềm tàng dẫn tới chiến tranh thế giới; các trục chủ yếu của chính trị thế giới sẽ là quan hệ giữa Phương Tây và phần còn lại của thế giới; các giới elit chính trị ở một số nước bị phân rã, phi phương Tây sẽ cố đưa đất nước của mình vào Phương Tây, nhưng trong hầu hết các trường hợp họ đều vấp phải những trở ngại lớn; trong tương lai gần, các lò lửa xung đột chủ yếu sẽ là quan hệ qua lại giữa Phương Tây và một vài nước Hồi giáo - Nho giáo.

Đó không phải là bằng chứng về mong muốn có những cuộc xung đột giữa các nền văn minh: mà chỉ là bức tranh giả định về tương lai. Nhưng nếu giả thuyết của tôi có lý thì cần

cần nhắc xem điều đó có ý nghĩa gì đối với chính sách của Phương Tây. Ở đây cần phân biệt rõ giữa cái lợi ngắn hạn và giải pháp dài hạn. Nếu xuất phát từ lập trường cái lợi ngắn hạn thì rõ ràng các lợi ích của Phương Tây đòi hỏi cũng có sự hợp tác và thống nhất trong nội bộ nền văn minh của mình, trước hết là giữa châu Âu và Bắc Mỹ; liên kết vào thành phần Phương Tây các nước Đông Âu và Mỹ Latin, những nơi có nền văn hoá gần gũi với những nền văn hoá Phương Tây; duy trì và mở rộng những mối quan hệ hợp tác với Nga và Nhật Bản, ngăn chặn các cuộc xung đột cục bộ giữa các nền văn minh leo thang thành chiến tranh quy mô lớn giữa các nền văn minh; hạn chế sự bành trướng sức mạnh quân sự của các nước Nho giáo và Hồi giáo; cắt giảm dần sức mạnh quân sự của Phương Tây; ủng hộ đại diện của các nền văn minh khác có đồng cảm với những giá trị và lợi ích của Phương Tây; tăng cường các thể chế quốc tế phản ánh và hợp pháp hóa các lợi ích và giá trị lợi ích của Phương Tây, thu hút các nước phi Phương Tây tham gia vào những thể chế đó.

Về lâu dài, cần hướng vào những tiêu chí khác. Nền văn minh Phương Tây vừa Phương Tây lại vừa hiện đại. Các nền văn minh phi Phương Tây thì cố trở nên hiện đại nhưng không biến thành Phương Tây. Cho đến nay, mới chỉ có Nhật Bản hoàn toàn thành công trong việc này. Các nền văn minh phi Phương Tây sẽ tiếp tục cố gắng trở nên giàu có, có được kỹ thuật, kỹ xảo, thiết bị vũ khí, tất cả những gì bao hàm trong khái niệm „hiện đại hóa“. Đồng thời họ cũng sẽ cố gắng kết hợp hiện đại hóa với những giá trị và nền văn hoá truyền thống của mình. Sức mạnh kinh tế và quân sự của họ sẽ tăng lên, khoảng cách với Phương Tây sẽ giảm đi. Phương Tây ngày càng phải thích nghi những nền văn minh mà sức mạnh của chúng thì ngày càng tiến gần tới sức mạnh của Phương Tây, nhưng lợi ích và giá trị thì hoàn toàn khác biệt với lợi ích và giá trị của Phương Tây. Điều này đòi hỏi Phương Tây phải duy trì tiềm lực của mình ở mức cần thiết để bảo vệ các lợi ích của Phương Tây trong quan hệ với các nền văn minh khác. Nó cũng cần phải hiểu biết sâu sắc hơn các cơ sở tôn giáo và triết học cơ bản của các nền văn minh đó. Nó cần phải biết con người trong các nền văn minh ấy hình dung lợi ích của mình như thế nào. Cần phải tìm ra những yếu tố tương đồng giữa nền văn minh Phương Tây và các nền văn minh khác. Bởi vì

trước mắt, sẽ chẳng có nền văn minh phổ quát nào hình thành, mà thay vào đó sẽ là một thế giới bao gồm các nền văn minh khác nhau, và mỗi nền văn minh đó sẽ phải học cách cùng tồn tại với tất cả các nền văn minh còn lại.

Chú thích

[1] Weidenbaum M. Trung Quốc lớn hơn: Siêu cường kinh tế tiếp theo?. Trung tâm Nghiên cứu Doanh nghiệp Mỹ. Đại học Washington. „Những vấn đề đương đại”. Loạt sách 57. tháng 1.1993, tr.2-3.

[2] Lewis B. Những nguồn gốc của cơn thịnh nộ Hồi giáo. “Nguyệt san Đại Tây Dương“, tập 226, tháng 9.1990. tr. 60; „Thời báo“, 15.6.1992, tr.24-28.

[3] Roosevelt A. Vì lòng tham hiểu biết. Boston, 1988, tr.332-333.

[4] Trong thực tế, các nhà lãnh đạo Phương Tây luôn viện dẫn những gì đang tác động dưới danh nghĩa „Cộng đồng thế giới“. Nhưng quan trọng là điều mà Thủ tướng Anh J. Major đã lỡ miệng nói ra khi trả lời phỏng vấn của chương trình „Xin chào nước Mỹ“ tháng 12.1990. Khi nói về các hành động được thực hiện để chống Saddam Hussein. Major dùng từ „Phương Tây“. Mặc dầu ông ta đã sửa ngay và tiếp đó ông nói về „Cộng đồng thế giới“, nhưng ông đã đúng chính vào lúc ông lỡ lời.

[5] Thời báo New York“. 25.12.1990. tr. 41; Nghiên cứu xuyên văn hoá về chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể. „Diễn đàn Nebraska về động cơ. 1989, tập 37. tr41-133.

[6] Mahbubi K. Phương Tây và phần còn lại của thế giới. „Lợi ích quốc gia“, Mùa hè 1992: tr.3-13.

[7] Stankevich S. Nước Nga đi tìm chính mình. „Lợi ích quốc gia”, Mùa hè 1992. tr.47-51; Schneider D.A. Phong trào Nga từ chối nghiêng về Phương Tây. „Người răn bảo khoa học Kito giáo“, 5-2-1993, tr. 57.

[8] Như O.Harris nhận xét, cả Australia cũng định trở thành một nước phân rã bên trong. Tuy nước này là thành viên đầy đủ của thế giới Phương Tây, ban lãnh đạo hiện nay của nó thực tế đang đề nghị để nó tách khỏi Phương Tây, tiếp nhận sự đồng nhất mới với tính cách là một nước Châu Á và phát triển các mối liên hệ chặt chẽ với các nước láng giềng. Họ chỉ ra rằng tương lai của Australia gắn với các nền kinh tế đang phát

triển năng động của Đông Á. Nhưng như tôi đã nói, sự hợp tác kinh tế chặt chẽ thường đòi hỏi phải có cơ sở văn hóa thống nhất. Ngoài các điều khác, trong trường hợp của Australia, dường như thiếu cả 3 điều kiện cần thiết cho một nước bị phân rã bên trong có thể tiếp hợp với một nền văn minh khác.